

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 36/2025/KDTM-ST

Ngày: 05-5-2025

V/v tranh chấp hợp đồng mua
bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chữ Cần.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Thảo;

Ông Nguyễn Thanh Cần.

Thư ký phiên tòa: Ông Lệnh Khâm Vĩ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Võ Anh Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 08/2025/TLST-KDTM ngày 08 tháng 01 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2025/QĐXXST-KDTM ngày 27 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Công ty TNHH T, địa chỉ: Số C, đường D, ấp D, xã B, huyện B, tỉnh Bình Dương.

- **Người đại diện hợp pháp:** Bà Thái Thị N, sinh năm 1991 và bà Thái Thị N, sinh năm 1995, cùng địa chỉ liên hệ: Số H N, khu phố B, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương (Theo giấy ủy quyền ngày 05/12/2024); có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- **Bị đơn:** Công ty TNHH B, địa chỉ: thửa đất số 23 tờ bản đồ số 32 khu phố F, phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

- **Người đại diện hợp pháp của bị đơn:** ông Lu Min H, Tổng giám đốc, là người đại diện theo pháp luật; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thống nhất trình bày:

Dựa trên hợp đồng nguyên tắc số ZY-2024.001/GO-CTY được ký kết vào ngày 29/12/2023 giữa Công ty TNHH T (viết tắt là Công ty T) với Công ty TNHH B (viết tắt là Công ty B), theo đó Công ty T bán hàng hóa là các loại keo dùng trong ngành gỗ cho bên mua là Công ty B.

Sau khi ký hợp đồng, Công ty T dựa trên đơn đặt hàng của Công ty B, hoàn thành đơn hàng và giao tới địa chỉ theo yêu cầu của Công ty B. Ngày 25 hàng tháng hai bên Công ty sẽ chốt công nợ, đối chiếu xong sẽ xuất hóa đơn trước cuối tháng. Thời hạn thanh toán 45 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn.

Cụ thể trong các tháng 7,8,9,10 năm 2024, Công ty T đã bán hàng cho Công ty B với tổng số tiền hàng 376.200.000 đồng theo các hóa đơn số 446 ngày 31/7/2024, hóa đơn số 447 ngày 01/8/2024, hóa đơn số 515 ngày 29/8/2024, hóa đơn số 582 ngày 27/9/2024 và hóa đơn số 664 ngày 29/10/2024.

Công ty T đã nhiều lần liên lạc và yêu cầu Công ty B thanh toán công nợ nhưng không có kết quả. Việc Công ty B cố tình không thanh toán công nợ đã gây ra cho Công ty T rất nhiều khó khăn và thiệt hại lớn trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Nay, Công ty T khởi kiện Công ty B ra Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương với yêu cầu:

Buộc Công ty B thanh toán cho Công ty T tổng số tiền là 387.882.000 (ba trăm tám mươi bảy triệu tám trăm tám mươi hai nghìn) đồng, trong đó bao gồm:

Tiền nợ gốc: 376.200.000 (ba trăm bảy mươi sáu triệu hai trăm nghìn) đồng.

Tiền lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tính đến ngày xét xử sơ thẩm (tạm tính tới tháng 15/01/2025) như sau:

- Hoá đơn số 446 ngày 31/7/2024: $79.200.000 \text{ đồng} \times 1\% \times 7 \text{ tháng } 20 \text{ ngày} = 6.072.000 \text{ đồng};$

- Hoá đơn số 447 ngày 01/8/2024: $99.000.000 \text{ đồng} \times 1\% \times 7 \text{ tháng } 19 \text{ ngày} = 7.557.000 \text{ đồng};$

- Hoá đơn số 515 ngày 29/8/2024: $118.800.000 \text{ đồng} \times 1\% \times 6 \text{ tháng } 20 \text{ ngày} = 7.703.520 \text{ đồng};$

- Hoá đơn số 582 ngày 27/9/2024: $19.800.000 \text{ đồng} \times 1\% \times 5 \text{ tháng } 20 \text{ ngày} = 1.122.000 \text{ đồng};$

- Hoá đơn số 664 ngày 29/10/2024: $59.400.000 \text{ đồng} \times 1\% \times 4 \text{ tháng } 20 \text{ ngày} = 2.772.000 \text{ đồng};$

Tổng số tiền lãi tạm tính yêu cầu Công ty B phải trả là 17.669.520 đồng.

Bị đơn Công ty TNHH B vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và không có văn bản trình bày ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên toà sơ thẩm như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên, Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Xét thấy việc nguyên đơn Công ty TNHH T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn Công ty TNHH K dùng trong ngành gỗ, đây là vụ án kinh doanh thương mại: “Tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa”. Bị đơn có trụ sở tại thành phố T, tỉnh Bình Dương nên theo khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn là Công ty TNHH B, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt, không rõ lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Nguyên đơn Công ty TNHH T yêu cầu bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 376.200.000 đồng và tiền lãi chậm trả tính đến ngày xét xử là 17.669.520 đồng tương ứng với lãi suất 12%/năm (tương đương 01%/tháng).

[4] Xét yêu cầu trả tiền nợ gốc của nguyên đơn: Công ty TNHH T đưa ra các phiếu xuất hàng, Hoá đơn số 446 ngày 31/7/2024; Hoá đơn số 447 ngày 01/8/2024; Hoá đơn số 515 ngày 29/8/2024; Hoá đơn số 582 ngày 27/9/2024; Hoá đơn số 664 ngày 29/10/2024 của để chứng minh việc mua bán hàng hóa. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn Công ty TNHH B đều không có mặt, như vậy Công ty TNHH B đã từ bỏ quyền chứng minh của bị đơn đối với các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án. Tòa án triệu tập hợp lệ Công ty TNHH B tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng Công ty TNHH B vẫn không có mặt là đã từ bỏ quyền phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, có căn cứ xác định Công ty TNHH B không có ý kiến phản đối đối với chứng cứ nguyên đơn cung cấp và đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Xét, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là Phiếu giao hàng, hóa đơn giá trị gia tăng, Công ty TNHH T xác định đã cung cấp hàng hóa cho Công ty TNHH B với tổng giá trị là 376.200.000 đồng, là phù hợp với giá trị hàng hóa, hóa đơn Công ty TNHH B đã nhận và phù hợp với xác nhận của Cục Thuế tỉnh B tại Công văn số 744/CTBDU-TTKT1. Như vậy, có căn cứ xác định, bị đơn Công ty TNHH B còn nợ số tiền 376.200.000 đồng.

[6] Căn cứ khoản 1 Điều 50 Luật Thương mại thì bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền hàng theo thỏa thuận. Công ty TNHH B đã nhận hàng nhưng không thanh toán tiền hàng là vi phạm thỏa thuận do đó cần buộc Công ty TNHH B thanh toán cho Công ty TNHH T số tiền còn nợ là số tiền 376.200.000 đồng.

[7] Về tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ: Công ty TNHH B đã không thanh toán đầy đủ tiền hàng cho Công ty TNHH T nên phải trả tiền lãi trên số tiền chậm trả cho Công ty TNHH T. Tại phiên tòa, Công ty TNHH T yêu cầu Công ty TNHH B phải thanh toán tiền lãi trên khoản nợ còn lại với mức lãi suất là 12%/năm = 17.669.520 đồng. Tại thời điểm xét xử, mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường là 12,52%/năm, tương đương 1,043%/tháng (mức lãi suất nợ quá hạn tại Ngân hàng TMCP Đ là 11,76%/năm, tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần S là 13,8%/năm, tại Ngân hàng N1 là 12%/năm). Lãi suất nguyên đơn yêu cầu phù hợp với Điều 306 của Luật Thương mại và có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Từ những phân tích trên có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH T.

[9] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị chấp toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp.

[10] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí đối với phần yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 235, Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 280, Điều 289, Điều 370 của Bộ luật Dân sự năm 2015

- Điều 50, 55, 301, 306 Luật Thương mại;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH T về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa với bị đơn Công ty TNHH B .

Buộc Công ty TNHH B có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH T số tiền 393.869.520 (ba trăm chín mươi ba triệu tám trăm sáu mươi chín nghìn năm trăm hai mươi) đồng, trong đó nợ gốc 376.200.000 (ba trăm bảy mươi sáu triệu hai trăm nghìn) đồng, tiền lãi chậm trả là 17.669.520 (mười bảy triệu sáu trăm sáu mươi chín nghìn năm trăm hai mươi) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Về án phí:

Buộc Công ty TNHH B phải chịu 19.693.500 (mười chín triệu sáu trăm chín mươi ba nghìn năm trăm) đồng tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trả lại cho Công ty TNHH T số tiền 9.697.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BLTU/24/0004884 ngày 31-12-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 1, Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Tân Uyên;
- CC THADS thành phố Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Chữ Cần